

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN ĐỘNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST

Ngày 23 - 9 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

2. Bà Vi Thị Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:***  
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 8 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nông Xuân Q**, sinh năm 1997 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không có; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Đỗ Văn T**, sinh năm 1996 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn R, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1976; có vợ là Hoàng Thị Ngọc A, sinh năm 2001 và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không có; Nhân thân: Tại Quyết định số: 782/QĐ-UBND, ngày 03/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh về việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với Đỗ Văn T với thời hạn 24 tháng. Tại bản án số: 17/2014/HSST, ngày 02/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tại Bản án số: 95/2017/HSST, ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

\* *Bị hại*: Anh Tô Văn T2, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nông Đức H, sinh năm 2004; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nông Văn H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Người làm chứng*:

1. Anh Đinh Văn B, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

2. Anh Lê Tuấn N, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Ngọc A, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn R, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Ngày 28/04/2021 khi đang chơi tại nhà Lê Tuấn N ở tổ dân phố P, thị trấn A, huyện S, Nông Xuân Q nảy sinh ý định mượn xe mô tô của anh Tô Văn T2 là người quen của Q để mang đi cầm lấy tiền chi tiêu cá nhân, lý do Q nghĩ mượn xe của anh T2 mang đi cầm là ngày hôm trước anh T2 mượn điện thoại của Q chơi game đã chơi hết số tiền trong game. Thực hiện ý định trên, Q bàn với Đỗ Văn T về việc mượn xe mô tô của anh T2 đi cầm lấy tiền thì được T đồng ý. Q lấy điện thoại gọi cho anh T2 hỏi mượn xe mô tô với lý do để chở vợ con T về nhà nhưng anh T2 không đồng ý cho mượn. Không được anh T2 cho mượn xe mô tô, Q bảo T gọi điện thoại cho anh T2 hỏi mượn xe. Sau đó, T mượn điện thoại di động của anh N gọi cho anh T2 hỏi mượn xe mô tô của anh T2 để cho Q đưa vợ con T về nhà, sau khi điện xong T bảo Q là anh T2 đồng ý cho mượn xe, tỷ ra lấy. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm, uống rượu xong Q và T đi bộ từ nhà anh N đến quán Karaoke Huân Vinh ở tổ dân phố số xxxx, thị trấn A, huyện S để mượn xe. Khi đến nơi, T đứng ở ngoài cổng Q đi vào hỏi anh T2 mượn xe mô tô để đưa vợ và con T về, anh T2 đồng ý. Anh T2 đã đưa chìa khóa xe và giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave  $\alpha$ , màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 98B3 - 805.77 cho Q và nói phải trả lại xe mô tô cho anh vào khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày.

Sau khi mượn được xe mô tô Q điều khiển xe chở T quay lại nhà anh N hỏi chị Ngọc A có về thì Q chở nhưng chị Ngọc A cũng không về. Q điều khiển xe mô tô chở T đi tìm chỗ để cầm lấy tiền, khi đi đến khu vực đầu cầu A, thuộc thôn C, xã V, huyện S, Q và T bàn bạc và thống nhất mang chiếc xe mô tô của anh T2 cầm cho Nông Đức H ở tổ dân phố Đ, thị trấn A lấy 3.000.000 đồng. Bàn bạc xong Q lấy điện thoại gọi điện cho H nói là muốn cầm 01 chiếc xe mô tô thì anh H đồng ý,

H nói với Q hiện đang lao động cùng với lớp ở Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Sơn Động. Q điều khiển xe mô tô chở T đến gặp H, sau đó H đi xe của H còn T, Q đi xe mô tô mượn của anh T2 đi về nhà H. Trước khi vào trong nhà thì Q và T bàn bạc với nhau là T nhận mình là chủ xe, còn Q sẽ là người đứng ra cầm xe. Thỏa thuận xong, Q và T đi vào trong nhà H, Q nói với H là xe của T và muốn cầm xe. H bảo Q viết giấy mượn tiền, Q viết giấy với nội dung: Q mượn tiền của anh Nông Đức H số tiền 3.000.000 đồng, từ ngày 28-4-2021, Q cầm 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 98B3-805.77, nếu không trả số tiền trên cho H thì chiếc xe trên là của H, sau đó Q ký tên dưới mục người viết, còn T ký tên dưới mục người làm chứng. Viết giấy vay tiền xong, Q đưa cho H cầm rồi giao chiếc xe mô tô mượn của anh T2 cho H và nhận số tiền 3.000.000 đồng. Nhận tiền của anh H xong, Q và T đi ra ngoài đường, Q chia cho T số tiền 1.500.000 đồng, sau đó Q gọi điện thoại cho Đinh Văn B đến đón Q và T về nhà anh N, số tiền cầm xe mô tô Q và T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 30/4/2021 T đến nhà H, nói với H là T muốn lấy thêm 500.000 đồng cộng vào tiền cầm xe mô tô, nhưng H nói với T phải được sự đồng ý của Q thì H mới đưa thêm tiền. T gọi điện cho Q nói muốn lấy thêm mấy trăm cộng vào tiền cầm xe mô tô thì Q đồng ý, sau đó H đã đưa cho T số tiền 500.000 đồng. Ngày 02/5/2021, Q gọi điện thoại cho H bảo lấy thêm mấy trăm nghìn thì H đồng ý, khi Q đến nhà H, ông Nông Văn H1 là bố H đưa cho Q số tiền 200.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 28/04/2021 anh T2 không thấy Q mang xe mô tô đến trả, nên gọi điện thoại yêu cầu Q mang xe mô tô về trả, sau đó anh T2 tìm gặp và yêu cầu Q trả xe mô tô cho mình nhưng Q đưa ra nhiều lý do không trả. Ngày 29/04/2021, anh T2 đã làm đơn tố cáo Nông Văn Q gửi Công an huyện Sơn Động.

2. Ngày 24/5/2021, Cơ quan điều tra ra văn bản yêu cầu định giá tài sản đối với xe mô tô của anh Tô Văn T2 bị Nông Xuân Q và Đỗ Văn T chiếm đoạt. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS, ngày 28/5/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại: Wave  $\alpha$ , màu sơn đen bạc, biển số đăng ký: 98B3-805.77 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 15.200.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm nghìn đồng).

3. Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS-SĐ ngày 8 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Nông Xuân Q, bị cáo Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

4. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Xuân Q và bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Xuân Q từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T

từ 12 đến 15 tháng tù. Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu trắng, bên trong lắp thẻ sim. Áp dụng Điều 48 BLHS. Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nông Xuân Q, Đỗ Văn T phải trả cho Nông Đức H số tiền 3.000.000 đồng, buộc bị cáo Q trả Nông Văn H1 200.000 đồng; buộc bị cáo T phải trả cho H 500.000 đồng; miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q. Bị cáo T phải chịu tiền án phí Hình sự và án phí Dân sự theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Nông Xuân Q, bị cáo Đỗ Văn T trình bày: Các bị cáo hỏi mượn xe mô tô của anh Tô Văn T2 mục đích để đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân; các bị cáo thống nhất nói với Nông Đức H là xe mô tô của bị cáo T, để cho bị cáo Q cầm cố lấy tiền, H không biết xe mô tô đó do các bị cáo mượn của anh T2. Các bị cáo đều thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Động, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Ngày 28/04/2021 khi đang chơi ở nhà Lê Tuấn N, bị cáo Nông Xuân Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Tô Văn T2 đem đi cầm cố lấy tiền ăn chơi, tiêu sài cá nhân, Q nói với bị cáo Đỗ Văn T về ý định trên thì được T đồng ý. Bị cáo đã dùng điện thoại của mình gọi điện hỏi mượn xe anh T2, nhưng anh T2 không cho mượn, nên bị cáo bảo T mượn điện thoại của Lê Tuấn N điện cho T2 hỏi mượn xe. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/4/2021, bị cáo Q trực tiếp đến nơi anh T2 làm để hỏi mượn xe mô tô của anh T2, Q nói dối với anh T2 là mượn xe mô tô để chở vợ và con của T về nhà, anh T2 tin tưởng nên giao xe mô tô cho bị cáo mượn, bằng thủ đoạn gian dối đó bị cáo Q cùng bị cáo T đã chiếm đoạt được của anh T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại: Wave  $\alpha$ , màu sơn đen bạc, biển số đăng ký: 98B3-805.77 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 15.200.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm nghìn đồng). Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của anh T2, bị cáo Q và bị cáo T đem xe mô tô đến cầm cố cho Nông Đức H lấy số tiền 3.000.000 đồng, các bị cáo đã chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng ăn chơi, tiêu sài hết số tiền nêu trên.

Tiếp sau đó, bị cáo T đến gặp H lấy số tiền 500.000 đồng, bị cáo Q điện cho H và gặp ông Nông Văn H1 là bố H lấy số tiền 200.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo Nông Xuân Q và bị cáo Đỗ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương; các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo Nông Xuân Q và bị cáo Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy bị cáo Nông Xuân Q và bị cáo Đỗ Văn T là đối tượng lười lao động, thích ăn chơi hưởng thụ, các bị cáo bàn bạc và thống nhất với nhau để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Chứng tỏ các bị cáo rất coi thường kỷ cương pháp luật, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta. Song, khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Q là người có nhân thân tốt, không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo Q là người rủ rờ và khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội và là đối tượng sử dụng ma túy. Bị cáo T tại thời điểm xét xử bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng xác định bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị đưa vào trường giáo dưỡng và bị Tòa án xét xử 02 lần đều về hành vi chiếm đoạt tài sản. Căn cứ vào giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, hình phạt giành cho các bị cáo là tương đương nhau và như quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét thấy bị cáo Nông Xuân Q là người dân tộc thiểu số sống ở thôn, xã đặc biệt khó khăn; bị cáo Đỗ Văn T không có nghề nghiệp và không có tài sản nên Hội đồng xét xử miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với anh Nông Đức H và ông Nông Văn H1 quá trình điều tra xác định: Nông Đức H nhận cầm cầm xe mô tô cho Nông Xuân Q, tuy nhiên, khi nhận cầm xe thì Q nói với H xe mô tô mà Q cầm cầm cho H để vay tiền là xe của Đỗ Văn T. Khi T đề nghị H đưa thêm số tiền 500.000 đồng cộng vào tiền Q cầm xe, khi Q gặp ông H1 đề nghị được nhận thêm số tiền 200.000 đồng cộng vào tiền cầm xe. Anh H và ông H1 đều không biết xe mô tô đó là do Q và T chiếm đoạt của anh Tô Văn T2 mà có; Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối

với anh H và ông H1 là có cơ sở. Anh Nông Đức H không có giấy phép kinh doanh, việc anh H cho Nông Xuân Q vay tiền, nhận cầm cầm xe mô tô không có giấy đăng ký quyền sở hữu là vi phạm hành chính; ngày 5/8/2021 Công an huyện Sơn Động ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H về hành vi nêu trên là đúng quy định.

[6] Các biện pháp tư pháp: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại: Wave  $\alpha$ , màu sơn đen bạc, biển số đăng ký: 98B3-805.77 đã được anh Nông Đức H giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Chiếc xe trên Cơ quan điều tra đã trả cho anh Tô Văn T2, anh T2 xác định xe mô tô còn nguyên vẹn nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bị cáo Nông Xuân Q, bị cáo Đỗ Văn T cầm cầm xe mô tô để vay của anh Nông Đức H số tiền 3.000.000 đồng, sau đó bị cáo Q vay ông Nông Văn H1 200.000 đồng; bị cáo T vay anh H 500.000 đồng. Do vậy anh H bị thiệt hại số tiền 3.500.000 đồng, ông H1 bị thiệt hại 200.000 đồng. Xét thấy anh H nhận cầm cầm xe mô tô của các bị cáo là ngay tình, anh H, ông H1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trả lại số tiền cầm cầm xe mô tô là có cơ sở, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền là 3.500.000 đồng, cụ thể bị cáo Q bồi thường cho anh H là 1.500.000 đồng, bị cáo T bồi thường cho anh H1 là 2.000.000 đồng. Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho ông H1 số tiền 200.000 đồng là đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Xuân Q giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu trắng bên trong có lắp thẻ sim. Xét thấy điện thoại trên là tài sản của bị cáo Q liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Nông Xuân Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn toàn bộ án phí.

Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu tiền án phí Hình sự và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1- Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Xuân Q 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Nông Xuân Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu trắng bên trong có lắp thẻ sim xung công quỹ Nhà nước.

Những vật chứng nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/9/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự.

3- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Nông Xuân Q phải bồi thường cho anh Nông Đức H số tiền là 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn). Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho ông Nông Văn H1 số tiền là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường cho anh Nông Đức H số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn).

4- Áp dụng Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Xuân Q.

Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

*\* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

*\* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- VKSND huyện SD;
- VKSND tỉnh BG;
- TAND tỉnh BG;
- CQCSĐT - Công an huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Sở Tư pháp BG;
- UBND xã An Lạc;
- UBND xã Vĩnh An;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Huy biên**

- Lưu hồ sơ, VP.